Ký bởi: BỘ TÀI CHÍNH
Cơ quan: 28 Trần Hưng Đạo
Thời gian ký: 29/10/2026 17:25:54 +07:00

BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 159/2026/TT-BTC	*Hà Nội, ngày 28 tháng 10 năm 2026*

THÔNG TƯ

Quy định danh mục và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc thuộc lĩnh vực tài chính tại chính quyền địa phương

Căn cứ Luật Phòng, chống tham nhũng số 36/2018/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 132/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 134/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ và Nghị định số 184/2026/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 376/2026/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2026 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định danh mục và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc thuộc lĩnh vực tài chính tại chính quyền địa phương.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định danh mục và thời hạn phải định kỳ chuyển đổi vị trí công tác trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị (sau đây gọi tắt là cơ quan) thuộc lĩnh vực tài chính tại chính quyền địa phương.

2. Thông tư này áp dụng đối với công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc thuộc lĩnh vực tài chính tại các cơ quan thuộc phạm vi thẩm quyền quản lý tại chính quyền địa phương.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện định kỳ chuyển đổi vị trí công tác

1. Việc chuyển đổi vị trí công tác là một nội dung trong công tác cán bộ đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, trực tiếp là cấp ủy, tổ chức đảng; bảo đảm

nguyên tắc tập trung dân chủ, nêu cao trách nhiệm của tập thể lãnh đạo và người đứng đầu cơ quan.

2. Nguyên tắc thực hiện định kỳ chuyển đổi vị trí công tác thực hiện theo quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 24 của Luật Phòng, chống tham nhũng số 36/2018/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 132/2025/QH15.

3. Ngoài việc thực hiện nguyên tắc theo Thông tư này, việc định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với viên chức còn phải căn cứ vào hợp đồng làm việc đã ký với đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 3. Danh mục vị trí công tác thuộc lĩnh vực tài chính phải thực hiện định kỳ chuyển đổi vị trí công tác

Danh mục vị trí công tác thuộc lĩnh vực tài chính phải thực hiện định kỳ chuyển đổi vị trí công tác quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 4. Thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác

1. Thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc quy định tại Điều 3 Thông tư này là từ đủ 02 năm đến 05 năm theo quy định.

2. Thời điểm tính thời hạn chuyển đổi vị trí công tác là thời điểm quyết định điều động, bố trí phân công nhiệm vụ, vị trí việc làm của cấp có thẩm quyền theo phân cấp quản lý cán bộ có hiệu lực.

Trường hợp thay đổi vị trí việc làm, phân công nhiệm vụ nhưng bản chất công việc, lĩnh vực công tác không thay đổi thì không được coi là đã thực hiện định kỳ chuyển đổi vị trí công tác; thời gian thực hiện vị trí việc làm, nhiệm vụ nêu trên được tính liên tục để xác định thời hạn chuyển đổi.

Điều 5. Trường hợp chưa thực hiện định kỳ chuyển đổi vị trí công tác

1. Trường hợp chưa thực hiện định kỳ chuyển đổi vị trí công tác thực hiện theo quy định tại Điều 38 của Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 134/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ và Nghị định số 184/2026/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ.

2. Chuyển đổi vị trí công tác trong trường hợp đặc biệt thực hiện theo quy định tại Điều 39 của Nghị định số 59/2019/NĐ-CP.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2026.

2. Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, Thông tư số 18/2022/TT-BKHĐT ngày 08 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định danh mục và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác

đối với công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý và viên chức trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc thuộc lĩnh vực Đầu tư ở địa phương và Thông tư số 27/2024/TT-BTC ngày 03 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định danh mục và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc thuộc lĩnh vực tài chính tại chính quyền địa phương hết hiệu lực thi hành.

Điều 7. Điều khoản chuyển tiếp

1. Trường hợp kế hoạch, quyết định chuyển đổi theo Thông tư số 18/2022/TT-BKHĐT hoặc Thông tư số 27/2024/TT-BTC đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện, trừ trường hợp cấp có thẩm quyền quyết định điều chỉnh theo quy định tại Thông tư này.

2. Đối với người đang giữ vị trí công tác thuộc Danh mục tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này nhưng chưa đến thời điểm chuyển đổi, thời gian thực tế giữ vị trí trước ngày Thông tư này có hiệu lực được tính liên tục từ thời điểm quyết định điều động, bố trí phân công nhiệm vụ, vị trí việc làm của cấp có thẩm quyền có hiệu lực; trường hợp đã đủ thời hạn tối đa được đưa vào kế hoạch chuyển đổi gần nhất.

Điều 8. Trách nhiệm thi hành

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các cơ quan, cá nhân phản ánh về Bộ Tài chính để tổng hợp, xem xét và hướng dẫn./.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng Chính phủ; các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư, Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các Đoàn thể;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố;
- Sở Tài chính các tỉnh, thành phố;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Công báo, Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật;
- Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính;
- Bộ Tài chính: Bộ trưởng, các Thứ trưởng, các đơn vị thuộc Bộ;
- Lưu: VT, TCCB (100b).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Thị Bích Ngọc

BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục

DANH MỤC VỊ TRÍ CÔNG TÁC THUỘC LĨNH VỰC TÀI CHÍNH PHẢI THỰC HIỆN ĐỊNH KỲ CHUYỂN ĐỔI VỊ TRÍ CÔNG TÁC

(Ban hành kèm theo Thông tư số 159/2026/TT-BTC ngày 28 tháng 10 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

1. Phân bổ ngân sách.

2. Kế toán.

3. Mua sắm công.

4. Thẩm định, kiểm tra và quyết toán kinh phí theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

5. Thẩm định, cấp giấy chứng nhận đầu tư của nước ngoài vào Việt Nam.

6. Thẩm định dự án.

7. Đấu thầu và quản lý đấu thầu.

8. Lập, phân bổ, quản lý kế hoạch vốn.

9. Quản lý quy hoạch.

10. Quản lý doanh nghiệp và đăng ký kinh doanh.

11. Quản lý ODA.

12. Thẩm định, định giá trong đấu giá.